|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**§ 11:PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

- Nhận biết khái niệm một ước nguyên tố , phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố theo cách viết “rẽ nhánh” và “cột doc”

- Biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích, biết vận dụng linh hoạt các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

- Biết dùng dấu hiệu chia hết để việc tính toán, phân tích được nhanh, gọn.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: Thông qua các hoạt động thảo luận, chia sẻ với GV và các bạn về quá trình làm các bài tập.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học:thông qua các thao tác tính toán, tìm ước nguyên tố của một số cho trước, tư duy, so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan.

- Năng lực mô hình hóa toán học: thông qua việc sử dụng hình ảnh cây để phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo cách viết "rẽ nhánh"

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Thi viết nhanh số nguyên tố , hợp số .

**a)Mục tiêu :**

- HS củng cố lại khái niệm về số nguyên tố, hợp số

**b)Nội dung:**HS được yêu cầu:

- Lấy 3 ví dụ về số nguyên tố, 3 ví dụ về hợp số.

Thế nào là số nguyên tố ? Thế nào là hợp số ?

**c)Sản phẩm:**Kết quả của HS được viết vào vở (ví dụ về số nguyên tố, hợp số)

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4:  - Lấy 3 ví dụ về số nguyên tố, hợp số.  Cho biết thế nào là số nguyên tố,thế nào là hợp số?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Lấy 3 ví dụ về số nguyên tố, hợp số đã học ở tiết trước.  - Thảo luận nhóm viết các kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả viết các số nguyên tố ,hợp số và trả lời câu hỏi “ thế nào là số nguyên tố, thế nào là hợp số”.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới:Hãy quan sát hình ảnh đầu tiên trong SGK , suy nghĩ trả lời câu hỏi : “làm thế nào để viết số 120 thành tích của các thừa số nguyên tố” ?  -HS : suy nghĩ  - GV : Hướng dẫn cho HS 120 = 12 .10 .  Tiếp tục từ hai số 12 và 10 tách ra các nhánh. Cứ như thế ta phân tích được số 120 thành tích của các thừa số nguyên tố. 120 = 12.10 = …= 2.3.2.2.5  -GV : Việc viết thành tích này được gọi là phân tích một số ra thừa số nguyên tố. | |  |  | | --- | --- | | Nhóm | Số nguyên tố Hợp số | | 1 |  | | 2 |  | | 3 |  | | … |  | | 10 |  | |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 40 phút)

**Hoạt động 2.1: Cách tìm một ước nguyên tố của một số**(khoảng 8 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được ôn lại số nguyên tố, ước nguyên tố, biết tìm một ước nguyên tố của một số.

**b)Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu làm SGK phần 1,phát biểu được cách tìm một ước nguyên tố của một số dưới dạng tổng quát.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, Luyện tập 1 (SGK trang 44)

**c)Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu lần lượt HS làm theo yêu cầu hoạt động 1.  - Yêu cầu HS nêu cách tìm một ước nguyên tố của số a trong trường hợp tổng quát.  - Yêu cầu học sinh đọc qui tắc trong SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS làm hoạt động 1  - HS nêu dự đoán.  -HS làm ví dụ 1  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS trả lời (viết trên bảng).  a)Số nguyên tố nhỏ hơn 30 là :  2;3;5;7;11;13;17;19;23;29  b) HS tìm một ước nguyên tố của 91, giải thích cách tìm  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV giới thiệu qui tắc như SGK trang 44, yêu cầu vài HS đọc lại.  - GV nêu ví dụ 1 trong SGK trang 44.  **Hướng dẫn hỗ trợ** : *Căn cứ vào các dấu hiệu chia hết đã biết , ta thấy số 217 không chia hết cho 2, cho 3 ,cho 5, thực hiện phép chia cho số nguyên tố 7 ta được kết quả cần tìm.* | **1. Cách tìm một ước nguyên tố của một số**  **a) Qui tắc**  Để tìm một ước nguyên tố của số *a* ta có thể làm như sau : Lần lượt thực hiện phép chia *a* cho các số nguyên tố theo thứ tự tăng dần : 2,3,5,7,9,11,13…  Khi đó ,phép chia hết đầu tiên cho a là một ước nguyên tố của *a*.  **b) Ví dụ 1 :**  Ta có 217 = 7 . 31  Nên 7 là một ước nguyên tố của 217 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động theo cặp làm luyện tập1 SGK trang 44.  -**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Kết quả luyện tập 1.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét l  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Gv đặt câu hỏi : “Làm thế nào để phân tích số 12 ra thành tích các thừa số nguyên tố” chúng ta chuyển sang phần II | **c) Áp dụng**  **Luyện tập 1 (SGK trang 26)**  Ta có 187 = 11. 17  Nên 11 là một ước nguyên tố của 187 |

**Hoạt động 2.2: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố** (khoảng 30 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được các cách phân tích phân tích một số ra thừa số nguyên tố, phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố bằng cách viết “rẽ nhánh” và theo “cột dọc”; Biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích, Biết dùng dấu hiệu chia hết để việc tính toán, phân tích được nhanh, gọn.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu làm được HĐ2 SGK trang 44 từ đó dự đoán và phát biểu qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố , ví dụ 2 SGK trang 45 ,ví dụ 3 SGK trang 46 , bài 1 SGK trang 46

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

-. Qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố

- Lời giải hoạt động 2 SGK trang 44.

- Lời giải bài Luyện tập 2 SGK trang 45 , luyện tập 3 SGK trang 46, bài 1 SGK trang 46

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thực hiện HĐ2 trong SGK trang 44  - Dự đoán và phát biểu qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ2 , trả lời từng vấn đề theo các bước. ( GV ghi lại lên bảng )  - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2  GV nhấn mạnh : số 12 được viết thành tích của các thừa số nguyên tố 12= 2.2.3  - GV chuẩn hóa qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS phân tích số 12 ra thừa số nguyên tố theo “cột dọc”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  -GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả  -GV và HS cùng thực hiện như các bước SGK  ( GV ghi lại trên bảng )  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả  -GV nhấn mạnh : Ta nên chia mỗi số cho ước nguyên tố nhỏ nhất của nó . Cứ tiếp tục chia như thế cho đến khi được thương là 1.  Có thể phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo hai cách là viết "rẽ nhánh" và "theo cột dọc"  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Thực hiện ví dụ 2 SGK trang 45  - Làm bài Luyện tập 2 SGK trang 45.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện làm ví dụ 2 dưới sự hướng dẫn và theo dõi của GV  - HS hoạt động nhóm đôi làm luyện tập 2  Khi phân tích số 40 ra thừa số nguyên tố ta có thể làm theo những cách nào ?  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện ví dụ 2.  - GV yêu cầu đại diện nhóm lên bảng làm bài Luyện tập 2.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả của ví dụ 2, chính xác hóa kết quả bài Luyện tập 2.  - Khi phân tích bằng cách viết rẽ nhánh có thể viết số đó thành tích của hai thừa số một cách linh hoạt.  - Khi phân tích theo cột dọc nên chia cho các ước nguyên tố từ nhỏ đến lớn.  -***GV nêu chú ý :*** Khi phân tích một số ra thưà số nguyên tố ta thực hiện liên tiếp các phép chia cho ước nguyên tố nhỏ nhất và kết quả các thừa số được viết theo thứ tự tăng dần.  -***GV dẫn dắt*** : Ngoài cách làm như trên ta cũng có thể phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách viết một số thành tích của hai thừa số một cách linh hoạt.Chẳng hạn ở ví dụ 3.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Thực hiện ví dụ 3 SGK trang 46  GV hướng dẫn HS một số cách tách số 120 ra tích các thừa số nguyên tố .  - Làm bài Luyện tập 3 SGK trang 46.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện làm ví dụ 3  HS tự thao tác thêm theo một vài cách tách khác.  - HS hoạt động cá nhân làm luyện tập 3  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện ví dụ 3  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài Luyện tập 3.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa kết quả của ví dụ 3.  -GV chấm điểm bài làm luyện tập 3 của 5 em có kết quả nhanh nhât.  - GV chính xác hóa kết quả bài Luyện tập 3.  ***- GV kết luận :*** Mọi cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố đều đi đến kết quả cuối cùng giống nhau .  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  - Thực hiện bài tập 1 SGK trang 46.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện làm bài tâp 1  - HS hoạt động nhóm 4 làm bài tập 1  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV yêu cầu đại diện nhóm lên bảng làm bài tập 1, mỗi nhóm phân tích một số.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài tập 1 | **2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố**  *Phương pháp phân tích theo rẽ nhánh*  12  2 6  2 3  12 = 2.2.3 = 22 . 3  Ta nói 12 đã được phân tích ra thừa số nguyên tố  **\*Khái niệm :** Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.  *Phương pháp phân tích theo cột dọc*   |  |  | | --- | --- | | 12 | 2 | | 6 | 2 | | 3 | 3 | | 1 |  |   Lấy 12 chia cho ước nguyên tố 2  Lấy thương là 6 chia cho ướcnguyên tố 2  Lấy thương là 3 chia cho ước  nguyên tố 3    12 = 2.2.3 = 22. 3  **Ví dụ 2 : Ta có**  72   |  |  | | --- | --- | | 72 | 2 | | 36 | 2 | | 18 | 2 | | 9 | 3 | | 3 | 3 | | 1 |  |     2 36    2 18    2 9    3 3  72 = 2. 2 .2 . 3 .3 = 23 . 32  **\* Chú ý : ( SGK –tr45 )**  **Luyện tập 2 : ( SGK- trang 45)**   |  |  | | --- | --- | | 40 | 2 | | 20 | 2 | | 10 | 2 | | 5 | 5 | | 1 |  |   40    2 20  2 10  2 5  40 = 2. 2. 2 .5 = 23 . 5  **Ví dụ 3 : ( SGK- Trang 46** )  Cách 1 : 120 = 12.10  120  10 12    2 5 3 4  2 2  120 = 2 .5 . 3 . 4. 2. 2 = 23 . 3 . 5  Cách 2 : 120 = 6 . 20  120  6 20  2 3 2 10  2 5  120 = 2. 3 . 2. 2 .5 = 23 . 3 . 5  **Luyện tập 3 ( SGK- trang 46)**  450 = 45 . 10  450  10 45    2 5 5 9  3 3  450 = 2. 5 . 5. 3. 3 = 2 . 32. 52  **Nhận xét : (SGK- trang 46 )**  **\* Áp dụng**  **Bài tập 1 ( SGK-Trang 46 )**  45 = 32 . 5  78 = 2. 3 .13  270 = 2.33. 5  299 = 13 .23 |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: qui tắc tìm một ước nguyên tố của một số , qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố (viết theo “ rẽ nhánh” và “ cột dọc”) cùng các chú ý.

- Làm bài tập 2;3;4;5 SGK trang 46.

- Tiết sau học tiếp

**Tiết 2:**

**3. Hoạt động luyện tập** (khoảng38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được cách tìm một ước nguyên tố,phân tích một số ra thành tích các thừa số nguyên tố, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 2 đến 5 SGK trang 46.

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 2 đến 5 SGK trang 46.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  **-**Phát biểu qui tắc tìm một ước nguyên tố của một số.  - Thế nào là phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố ?Có mấy cách phân tích ?  - Làm các bài tập: Làm các bài tập từ 2 đến 5 SGK trang 46.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2a viết số 800 thành tích của hai thừa số trong đó có 1 thừa số là 400 ta làm thế nào?  Bài 3a: Viết số 270 thành thương của hai số trong đó có một số là 2700 ta làm thế nào?  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên phát biểu các qui tắc tìm một ước nguyên tố của một số , phương pháp phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - GV yêu cầu lần lượt: 1 HS lên bảng làm bài tập 2a, 1 HS lên bảng làm bài tập 2b, 1 HS làm bài tập 3a , 1 HS lên làm bài tập 3b.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  Chốt lại các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố, sử dụng lũy thừa để viết gọn tích.  - Đưa ra cách phân tích ra thừa số nguyên tố trong trường hợp sử dụng kết quả phân tích đã có, sử dụng phép nhân hai lũy thừa cùng cơ số để viết gọn. | **3. Luyện tập**  **Dạng 1 : Viết một số , hai số thành tích các thừa số nguyên tố:**  **Bài tập 2 SGK trang 46**  a) 800 = 2 . 400  mà 400 = 24 . 52  nên 800 = 2. 24 .52  = 25 . 52  b) 3200 = 10 . 320  mà 320 = 26 . 5  nên 3200 = 2. 5 .26 ­. 5 = 27 . 52  **Bài tập 3 SGK trang 46**  a) 270 = 2700 : 10 = 2700 :2:5  Mà 2700 = 22 . 33 . 52  Nên 270 = 22 . 33 . 52 : 2: 5  =(22 : 2) .33. (52: 5) = 2 .33.5  b) 900 = 2700 : 3  Mà 2700 = 22 . 33 . 52  Nên 900 = 22 . 33 . 52  : 3  = 22 . ( 33:3) .52 = 22. 32 . 52 |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - Làm bài tập 4 SGK trang 46.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thực hiện tương tự Luyện tập 4 SGK trang 30, GV làm mẫu chi tiết hơn nếu cần.  + Ta lấy tích của ba số nguyên tố khác nhau bất kì ta được số tự nhiên có đúng ba ước nguyên tố .  **\* Báo cáo, thảo luận2:**  - GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý HS có thể trình bày ngắn gọn  - Chốt kiến thức: trong dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của số cần tìm phải có sự xuất hiện của đúng 3 thừa số nguyên tố khác nhau. | **Dạng 2 : Tìm một số biết ước nguyên tố**  **Bài tập 4 SGK trang 30**  Ví dụ  2 . 3 . 5 = 30 ;  5 . 7 . 11 = 385;….  Vậy hai số tự nhiên mà mỗi số có đúng 3 ước nguyên tố là : 30 ; 385 |
| .**\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - Nêu các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - Thế nào là ước của một số  - Hoạt động nhóm 4 làm bài tập 5 SGK trang 46.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 5:  HS có thể phân tích theo rẽ nhanh hoặc theo cột dọc.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Vài HS phát biểu qui tắc phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ước của một số.  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Đưa ra phương pháp tìm tập hợp các ước của một số dựa vào tích các lũy thừa số nguyên tố vừa phân tích. | **Dạng 4: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố**  **Bài tập 5 SGK trang 46**   |  |  | | --- | --- | | 84 | 2 | | 42 | 2 | | 21 | 3 | | 7 | 7 | | 1 |  |   84 = 22 . 3 . 7  Ư (84 ) = { 1;2 ; 3 ; 4 ; 6 ; 7 ; 12; 14 ;21;28;42; 84 } |

**Bài tập về nhà:**

1) Phân tích các số sau đây ra thừa số nguyên tố rồi tìm tập hợp các ước của mỗi số :

a) 38 ;               b) 98 ;                 c) 78 ;                       d) 138.

2) Tìm số tự nhiên x biết rằng 493 chia hết cho x  và 10 <  x < 100.

3) Cho số a = 23 . 32 .7. Trong các số 4 ; 7 ; 9 ; 21 ; 24 ; 34 ; 49 số nào là ước của a.

**4. Hoạt động vận dụng** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**Vận dụng các kiến thức đã họcvề phân tích một số ra thừa số nguyên tố làm các bài tập thực tế đơn giản.

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

-Bài tập: Bạn Nam có 28 viên bi. Nam muốn xếp số bi đó vào các túi sao cho số bi ở các túi đều bằng nhau. Hỏi Nam có thể xếp 28 viên bi đó vào mấy túi?(kể cả trường hợp xếp vào 1 túi)

- Xem kĩ phần chú ý,các ví dụ, các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố .

- Nêu các bước phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo “cột dọc”.

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại cách tìm ước của một số ,cách viết tập hợp và đọc trước nội dung bài 12–ước chung, ước chung lớn nhất, SGK trang 47.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-GVgiao nhiệm vụ như mục Nội dung**(khoảng 2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ**tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.